

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hòe
2. Ông Phạm Xuân Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lang Thị Tổ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLST-DS, ngày 18/10/2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-ST ngày 16/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P (Có mặt), sinh năm 1978.

Địa chỉ: bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn V (Vắng mặt), sinh năm 1975.

Địa chỉ: bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị P) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do có quen biết nhau, ông Vũ Văn V nói đang cần vốn để làm ăn nên vào ngày 17/11/2023 ông V đã đến nhà bà P hỏi vay bà P số tiền 200.000.000 đồng và bà P đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) cho ông V; vay không có lãi, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày vay, ban đầu ông V có viết là vay 07 tháng nhưng bà P không đồng ý chỉ cho vay trong thời hạn 03 tháng nên ông V có sửa lại thời hạn vay từ

07 tháng thành 03 tháng; khi vay tiền, ông V có viết, ký và giao cho bà P giữ 01 giấy vay tiền đề ngày 17/11/2023; khi vay tiền chỉ có bà P và ông V không có ai khác. Đến thời hạn trả nợ, bà P đã nhiều lần đến gặp để yêu cầu ông V phải trả cho bà P số tiền 200.000.000 đồng đã vay nhưng ông V vẫn không trả cho bà P, còn cố tình né tránh, không hợp tác. Bà P hiện đang có gia đình (chồng và con) nhưng số tiền mà bà P cho ông V vay là tiền riêng và là việc làm ăn của riêng của bà P với ông V, không liên quan đến chồng bà P và ai khác (chồng bà P cũng đã có đơn trình bày ý kiến gửi đến Tòa án cho rằng đây là khoản tiền riêng và là việc làm ăn riêng giữa bà P và ông Vũ Văn V, không liên quan đến chồng bà P nên đề nghị Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng là người liên quan). Nay, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn V phải trả cho bà P số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 18/02/2024 cho ngày 18/5/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 15 \text{ tháng} = 24.900.000 \text{ đồng}$). Tổng số tiền phải trả cho bà P là 224.900.000 đồng.

Theo lời trình bày của bị đơn (ông Vũ Văn V) trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Vũ Văn V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án (ông V chỉ đến Tòa án 01 lần để nhận thông báo thụ lý vụ án, nhưng không viết bản tự khai, không lấy lời khai được).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với bị đơn không có mặt, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Vũ Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông Vũ Văn V phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền là 224.900.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 24.900.000 đồng).

- Về án phí dân sự: Ông Vũ Văn V phải chịu số tiền 11.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 5.333.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn V phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn thường trú và sinh sống tại bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

[2]1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Vũ Văn V vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để có mặt tại phiên tòa nhưng ông V đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3]2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay (200.000.000 đồng) và thời hạn trả nợ:

Theo lời trình bày của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị P) thể hiện: Vào ngày 17/11/2023 tại nhà bà P, ông V đã hỏi mượn bà P số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày vay và bà P đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) cho ông V; sau khi giao tiền, ông V có viết, ký và giao cho bà P giữ 01 giấy vay tiền đề ngày 17/11/2023; khi vay tiền chỉ có bà P và ông V không có ai khác, đây là tài sản riêng của bà P và là việc làm ăn riêng giữa bà P và ông V. Đến thời hạn trả nợ (17/02/2024), bà P đã nhiều lần đến gặp để yêu cầu ông V phải trả cho bà P số tiền 200.000.000 đồng đã vay nhưng ông V vẫn không trả cho bà P, còn cố tình né tránh, không hợp tác; bà P có cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc giấy vay tiền đề ngày 17/11/2023, có ký nhận của ông Vũ Văn V.

Theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có việc giao kết hợp đồng vay tiền, hình thức và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ (ngày 17/02/2023) thì bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã giao kết. Do đó, nguyên đơn khởi

kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

[4]2.2. Về khoản tiền lãi phải thanh toán (24.900.000 đồng):

Theo nguyên đơn trình bày và giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì thời hạn vay tiền là từ ngày 17/11/2023 đến ngày 17/02/2024 (03 tháng) vay không lãi, đến ngày 17/02/2024 bị đơn đã không trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, sau ngày 17/02/2024 khoản tiền vay chuyển sang nợ quá hạn và nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn với mức 0,83%/tháng với thời gian là 15 tháng (từ ngày 18/02/2024 cho đến ngày 18/5/2025) với tổng số tiền lãi quá hạn là 24.900.000 đồng. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán sau ngày đến hạn trả nợ (từ ngày 18/02/2024) đến ngày 18/5/2025 và mức lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 24.900.000 đồng.

[5]3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ (tổng số tiền là 224.900.000 đồng) nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.245.000 đồng (224.900.000 đồng x 5%). Trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 5.333.000 đồng (*Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008614 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông

[6]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị P) đối với bị đơn (ông Vũ Văn V) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Vũ Văn V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền là 224.900.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*), trong đó: số nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi quá hạn là 24.900.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn V phải nộp số tiền 11.245.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 5.333.000 đồng (*Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008614 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đăk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng